

Số: 08/NQ-HĐND

Hồng An, ngày 31 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường
khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG HỒNG AN
KHÓA I - KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày năm 2025;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ phường khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Xét Tờ trình số 06/TTr-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân phường về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Hồng An khóa I, nhiệm kỳ 2021 -2026; Ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Hồng An khóa I, nhiệm kỳ 2021- 2026.

(Kèm theo Quy chế làm việc của HĐND phường khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026)

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường, đại biểu Hội đồng nhân dân phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường khóa I, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND - UBND thành phố;
- Văn phòng HĐND, Văn phòng UBND TP;
- Đảng ủy, HĐND, UBND phường;
- UBMTTQ VN phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Các Đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường;
- Công Thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Đỗ Việt Hưng





Hồng An, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG HỒNG AN
KHÓA I, NHIỆM KỲ 2021 - 2026
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025
của HĐND Phường Hồng An)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này cụ thể hóa một số nội dung về nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động, thẩm quyền và mối quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân phường Hồng An (viết tắt là HĐND) khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Quy chế này được thực hiện không tách rời các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

HĐND phường, Thường trực HĐND phường, các Ban HĐND phường, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND phường khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 và Văn phòng HĐND - UBND phường có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan khi tham gia các hoạt động của HĐND phường có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

HĐND phường hoạt động theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Quy chế này.

HĐND phường thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND phường

1. Cơ cấu tổ chức

HĐND phường khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 bao gồm các đại biểu HĐND phường được chỉ định, có cơ cấu tổ chức như sau: Thường trực HĐND phường (gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch HĐND và Trưởng các ban của HĐND), các Ban của HĐND phường (gồm Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội); các Tổ đại biểu HĐND phường (gồm 04 Tổ đại biểu HĐND tại 04 khu vực) và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND phường

2.1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn;

b) Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế-xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp.

2.2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ chỉ tiêu được thành phố giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;

c) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình;

d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ dân phố theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của thành phố;

đ) Ban hành Quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND phường;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND cùng cấp;

g) Bãi nhiệm đại biểu HĐND và chấp thuận việc đại biểu HĐND cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

2.3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của phường, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của thành phố và quy hoạch chung của phường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Quyết định các biện pháp khuyến khích phát triển kinh tế đô thị, thương mại, dịch vụ, tài chính, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc điểm của đô thị theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách phường; điều chỉnh dự toán ngân sách phường trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách phường và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định biện pháp để thực hiện quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển đô thị, quy hoạch chung của thành phố;

đ) Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã;

e) Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2.4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

b) Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của phường và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2.5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:

a) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của phường trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

b) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

c) Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông; biện pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

2.6. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2.7. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2.8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan khác ở địa phương.

2.9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 4. Kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. HĐND phường họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ.
2. HĐND phường họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND phường, Chủ tịch UBND phường hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND phường yêu cầu.
3. HĐND phường họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực HĐND phường, Chủ tịch UBND phường hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND phường thì HĐND phường quyết định họp kín.

Điều 5. Hội nghị thống nhất thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp HĐND phường.

Thường trực HĐND phường chủ trì tổ chức hội nghị liên tịch với UBND phường, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam phường, các Ban HĐND phường và các cơ quan liên quan để thống nhất dự kiến nội dung, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao các cơ quan chuẩn bị nội dung trình kỳ họp HĐND phường.

Sau hội nghị Văn phòng HĐND và UBND phường tham mưu giúp Thường trực HĐND phường ban hành kế hoạch chuẩn bị kỳ họp.

Điều 6. Chuẩn bị kỳ họp của HĐND phường

1. UBND phường, các cơ quan liên quan có trách nhiệm chuẩn bị và gửi báo cáo, đề án, tờ trình và dự thảo nghị quyết trình kỳ họp đúng thời gian theo Kế hoạch chuẩn bị kỳ họp của Thường trực HĐND phường.
2. Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường thực hiện giám sát, khảo sát, thẩm tra và chuẩn bị báo cáo trình kỳ họp; đôn đốc các cơ quan liên quan trong công tác chuẩn bị kỳ họp kịp thời, đầy đủ.

Điều 7. Triệu tập kỳ họp

1. Thường trực HĐND phường quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 15 ngày, kỳ họp chuyên đề chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Dự kiến chương trình kỳ họp HĐND phường được gửi đến đại biểu HĐND phường cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

Điều 8. Tổ chức tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri

1. Thường trực HĐND phường và các Tổ đại biểu HĐND phường có trách nhiệm tổ chức để đại biểu HĐND phường tiếp xúc cử tri để thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri về những vấn đề thuộc chương trình, nội dung kỳ họp và ý kiến, kiến nghị của cử tri với HĐND phường và các cơ quan Nhà nước liên quan ở địa phương.

2. Tổ đại biểu HĐND phường phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam phường, Thường trực HĐND, UBND phường và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai kế hoạch tiếp xúc cử tri của HĐND phường, tạo điều kiện để đại biểu HĐND phường có hình thức tiếp xúc cử tri phù hợp.

3. Chậm nhất 03 ngày sau khi tiếp xúc cử tri Thường trực HĐND phường tổng hợp ý kiến, kiến nghị chung của cử tri để trình tại kỳ họp HĐND phường. Đồng thời tổng hợp các ý kiến, kiến nghị cụ thể gửi UBND phường giải quyết và trả lời cử tri tại cuộc tiếp xúc cử tri chuẩn bị kỳ họp thường lệ tiếp theo.

Điều 9. Hoạt động thẩm tra của các Ban

1. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND phường, cơ quan trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án gửi đến Ban của HĐND phường được phân công để thẩm tra. Trường hợp các báo cáo, đề án, tờ trình dự thảo nghị quyết gửi chậm thời gian quy định, các Ban HĐND phường có quyền từ chối thẩm tra, đồng thời báo cáo đề kỳ họp HĐND phường xem xét, quyết định.

2. Để chuẩn bị cho công tác thẩm tra, Ban có thể cử thành viên tham gia nghiên cứu báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết đến các cơ quan hữu quan xem xét, xác minh vấn đề thuộc quyền hạn của Ban; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó, khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết và các nội dung khác.

3. Nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề sau đây:

a. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật.

b. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước của Thành phố và Đảng ủy;

c. Nội dung của dự thảo nghị quyết và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau;

d. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương;

4. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Ban của HĐND tổ chức họp để thẩm tra báo cáo, dự thảo Nghị quyết theo sự phân công của Thường trực HĐND phường.

5. Chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND phường, Ban của HĐND phường gửi báo cáo thẩm tra đến Thường trực HĐND phường. Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết, những vấn đề được ban nhất trí, không nhất trí, những đề nghị sửa đổi, bổ sung và phương án xử lý của cơ quan chủ trì thẩm tra đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

6. Các Ban của HĐND phường giúp Thường trực HĐND phường hướng dẫn các cơ quan, đơn vị về thành phần hồ sơ, tài liệu cần cung cấp để phục vụ việc thẩm tra của Ban.

Điều 10. Thông báo nội dung, chương trình kỳ họp của HĐND phường

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề của HĐND phường, Thường trực HĐND phường thông báo ngày họp, nơi họp và dự kiến chương trình kỳ họp HĐND phường trên các phương tiện thông tin, báo chí ở địa phương để cử tri và Nhân dân được biết và theo dõi

Điều 11. Gửi hồ sơ, tài liệu kỳ họp cho đại biểu HĐND:

Chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực HĐND phường chỉ đạo Văn phòng phường gửi hồ sơ, tài liệu kỳ họp chính thức đến đại biểu HĐND phường.

Điều 12. Khách mời tham dự kỳ họp

1. Đại diện Thường trực HĐND, UBND thành phố, các Ban HĐND và Văn phòng HĐND thành phố, đại biểu HĐND thành phố được bầu tại phường.

2. Ủy viên UBND phường, đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam phường, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan trên địa bàn phường được mời tham dự các kỳ họp HĐND phường.

Các đại biểu khách mời có trách nhiệm tham dự các phiên họp toàn thể của HĐND phường khi thảo luận về những vấn đề có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách. Người được mời tham dự kỳ họp HĐND phường được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được chủ tọa phiên họp đồng ý hoặc có trách nhiệm phát biểu ý kiến theo yêu cầu của chủ tọa kỳ họp.

3. Tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cơ quan báo chí và công dân có thể được mời tham dự các phiên họp công khai của HĐND phường.

Điều 13. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp

1. Đại biểu HĐND phường thực hiện quyền chất vấn tại kỳ họp. Trình tự thủ tục chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp được thực hiện theo quy định.

2. Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu HĐND phường, Thường trực HĐND phường quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn.

3. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp HĐND phường được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể;

b) Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có);

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời;

d) Khách mời có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu HĐND về vấn đề thuộc trách nhiệm được giao của mình.

Thời gian nêu chất vấn không quá 05 phút, thời gian trả lời chất vấn về từng vấn đề không quá 10 phút, trừ trường hợp đặc biệt do chủ tọa kỳ họp quyết định.

4. HĐND quận cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau:

a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp;

b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh;

c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu HĐND đã chất vấn, Thường trực HĐND trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu HĐND không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị HĐND đưa ra thảo luận tại kỳ họp HĐND hoặc kiến nghị HĐND xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

5. HĐND phường có thể ra nghị quyết về việc chất vấn.

6. Thư ký kỳ họp có trách nhiệm ghi đầy đủ diễn biến của phiên họp chất vấn; Văn phòng phường giúp chủ tọa kỳ họp ghi hình phiên họp chất vấn của HĐND phường.

Điều 14. Hoạt động thảo luận tại kỳ họp

1. Đại biểu HĐND phát biểu ý kiến tại phiên họp toàn thể HĐND theo trình tự sau đây:

a. Đại biểu HĐND đăng ký phát biểu; Chủ tọa phiên họp mời từng đại biểu phát biểu;

b. Đại biểu HĐND phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá hai lần về cùng một vấn đề; thời gian phát biểu không quá 10 phút. Trường hợp HĐND phường cần thảo luận thêm thì thời gian và số lần phát biểu do Chủ tọa kỳ họp quyết định;

c. Trường hợp đại biểu HĐND đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết thì ghi lại ý kiến của mình và gửi Thư ký kỳ họp để tổng hợp.

2. Thư ký kỳ họp có trách nhiệm ghi chép ý kiến thảo luận và tổng hợp để chủ tọa kết luận.

Điều 15. Thư ký phục vụ kỳ họp

1. Thường trực HĐND phường cử thư ký phục vụ kỳ họp của HĐND quận theo Nghị quyết 629/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 30/01/2019 về hướng dẫn một số hoạt động của HĐND

2. Thư ký kỳ họp của HĐND phường có nhiệm vụ:

a. Lập danh sách đại biểu HĐND phường có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

b. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

c. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp tổ đại biểu, phiên thảo luận và phiên họp toàn thể;

d. Tham mưu giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp;

e. Giúp Chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp;

g. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của chủ tọa kỳ họp.

Điều 16. Ban hành nghị quyết, biên bản của kỳ họp HĐND phường

1. Nghị quyết của HĐND phường do Chủ tịch HĐND phường ký chứng thực. Trường hợp vì lý do bất khả kháng có thể do Chủ tọa kỳ họp ký chứng thực.

2. Biên bản kỳ họp HĐND do Chủ tịch HĐND phường hoặc chủ tọa và thư ký kỳ họp ký tên.

3. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, biên bản của kỳ họp HĐND phường phải được Thường trực HĐND phường tổng hợp gửi Thường trực HĐND và UBND thành phố.

4. Nghị quyết của HĐND phường phải được gửi đến đại biểu HĐND, các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện. Nghị quyết của HĐND phường được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu tín nhiệm

1. HĐND phường tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân phường bầu một lần trong nhiệm kỳ theo quy định và theo chỉ đạo của Thành phố và của Đảng ủy.

2. HĐND phường quyết định bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do HĐND bầu trong các trường hợp sau:

a. Theo đề nghị của Thường trực HĐND phường hoặc có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND phường;

b. Có kiến nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;

c. Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu HĐND trở lên đánh giá tín nhiệm thấp;

d. Người bị chất vấn không hoàn thành nhiệm vụ đã cam kết với đại biểu HĐND sau 2 kỳ họp;

e. Người có trách nhiệm trả lời và giải quyết kiến nghị cụ thể của cử tri nhưng không trả lời và giải quyết dứt điểm kiến nghị của cử tri sau 02 kỳ họp liên tiếp.

Việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm theo quy trình, thủ tục quy định tại Điều 37 của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Điều 63, 64 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG THƯỜNG TRỰC HĐND PHƯỜNG

Điều 18. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của Thường trực HĐND phường.

1. Thường trực HĐND phường hoạt động thường xuyên, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tổ chức các hoạt động của HĐND, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND phường.

2. Thường trực HĐND phường gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và các Ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND phường. Các thành viên Thường trực HĐND chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND trước HĐND phường; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND phân công, phụ trách.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND phường

1. Tổ chức các hoạt động của HĐND phường theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật tổ chức Chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật.

2. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được HĐND phường giao.

3. Triệu tập các kỳ họp của HĐND phường; phối hợp với UBND phường trong việc chuẩn bị kỳ họp của HĐND phường.

4. Đôn đốc, giám sát UBND phường và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của HĐND.

5. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

6. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của HĐND; xem xét kết quả giám sát của các Ban HĐND khi xét thấy cần thiết và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu HĐND; tổng hợp chất vấn của đại biểu HĐND để báo cáo HĐND; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tại phiên họp Thường trực HĐND.

7. Tổ chức đề đại biểu HĐND tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp HĐND.

8. Quyết định số lượng thành viên các Ban của HĐND phường. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng ban, Ủy viên của Ban HĐND phường trong số đại biểu HĐND theo đề nghị của Trưởng Ban của HĐND.

9. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được HĐND phường bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của HĐND, Ủy viên UBND phường do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

10. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu HĐND của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu HĐND; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu HĐND của đại biểu HĐND.

11. Quyết định việc đưa ra HĐND hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND.

12. Báo cáo về hoạt động của HĐND phường đến HĐND, UBND thành phố và BTV Đảng ủy phường.

13. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam phường; mỗi năm 02 lần thông báo đến Ủy ban MTTQ Việt Nam phường về hoạt động của HĐND.

14. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

15. Trong thời gian HĐND không họp, Thường trực HĐND được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất:

- Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

- Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chủ tịch HĐND có nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Chủ tọa các phiên họp của HĐND, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu HĐND, các quy định về kỳ họp HĐND;

2. Lãnh đạo công tác của Thường trực HĐND; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực HĐND;

3. Thay mặt Thường trực HĐND giữ mối liên hệ với UBND, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân;

4. Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng Ban của HĐND phường;

5. Chịu trách nhiệm trước Đảng ủy phường về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND phường theo quy định của pháp luật; Chịu trách nhiệm trước HĐND về mọi hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND;

6. Chỉ đạo việc thể chế hóa chủ trương của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, của Thành ủy, HĐND thành phố, Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy,

chỉ đạo xây dựng và thực hiện chương trình hoạt động của HĐND nhiệm kỳ và hàng năm.

7. Giới thiệu để HĐND phường bầu Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban HĐND phường.

8. Bố trí lịch tiếp công dân, ít nhất mỗi quý Chủ tịch HĐND phường phải bố trí thời gian 01 ngày để trực tiếp công dân.

9. Phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch HĐND và các Ban của HĐND để bảo đảm hoạt động thường xuyên của Thường trực HĐND giữa 2 kỳ họp theo luật định

10. Phụ trách chung và tổ chức bộ máy của HĐND phường theo quy định của pháp luật. Ký các văn bản của HĐND phường; quyết định những tài liệu được lưu hành tại kỳ họp HĐND phường.

Điều 21. Phó Chủ tịch HĐND phường có nhiệm vụ, quyền hạn

1. Giúp Chủ tịch HĐND thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch HĐND và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch HĐND; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND; tham gia các phiên họp Thường trực HĐND, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND phường. Thay mặt Chủ tịch HĐND phường giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐND phường đi vắng và được ủy quyền.

2. Chủ trì việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát UBND phường trong việc thực thi pháp luật, nghị quyết HĐND. Tham gia chủ tọa các kỳ họp, chủ trì các cuộc họp do Chủ tịch HĐND phân công. Giúp Thường trực HĐND phường triển khai công tác đối với lĩnh vực kinh tế - ngân sách, văn hóa - xã hội, văn phòng và công tác tuyên truyền, thông tin của HĐND phường.

3. Chỉ đạo điều hành, phối hợp hoạt động các Ban HĐND, các tổ HĐND, đại biểu HĐND theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình công tác của Thường trực HĐND. Ký các văn bản điều hành, các văn bản được Chủ tịch HĐND giao.

4. Phụ trách và đôn đốc việc xây dựng nội dung, chương trình các kỳ họp HĐND đưa ra thảo luận tại cuộc họp của Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam phường, các Ban của HĐND.

5. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động đại biểu HĐND phường theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Phiên họp của Thường trực HĐND phường

1. Phiên họp Thường trực HĐND là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực HĐND. Tại phiên họp, Thường trực HĐND thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND phường họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực HĐND có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND phường. Phiên họp Thường trực HĐND phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực HĐND tham dự.

3. Chủ tịch HĐND quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực HĐND; nếu Chủ tịch HĐND vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐND được Chủ tịch HĐND ủy quyền chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên Thường trực HĐND có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch HĐND xem xét, quyết định.

5. Thường trực HĐND phường tổ chức chất vấn và trả lời chất vấn tại phiên họp của Thường trực HĐND trong thời gian giữa 2 kỳ họp HĐND.

6. Đại diện UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam phường, Phó các Ban HĐND, Chánh Văn phòng phường được mời tham dự phiên họp thường kỳ hàng tháng của Thường trực HĐND phường.

7. Đại diện các cơ quan tư pháp có liên quan, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội trung ương, thành phố, các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND phường khi bàn về vấn đề có liên quan.

8. UBND, Các cơ quan tư pháp có liên quan, Ban của HĐND, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực HĐND phường hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 23. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Các hình thức giám sát của Thường trực HĐND phường:

a. Xem xét quyết định của UBND phường và nghị quyết của HĐND phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường.

b. Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch UBND phường, thành viên UBND phường, các đồng chí Trưởng các cơ quan tư pháp có liên quan, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND phường.

c. Giám sát chuyên đề.

d. Tổ chức hoạt động giải trình, chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực HĐND phường.

e. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

g. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

3. Quy trình giám sát của Thường trực HĐND phường thực hiện theo quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Điều 24. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường chỉ đạo, điều hòa, phối hợp, phân công nhiệm vụ cho các Ban HĐND phường theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025 và phân công nhiệm vụ của Thường trực HĐND phường.

2. Phân công các Ban thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình HĐND về lĩnh vực có liên quan, phụ trách.

3. Phân công các Ban thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của HĐND, Thường trực HĐND phường; tham gia hoạt động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của HĐND và một số công việc khác có liên quan.

Điều 25. Thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐND phường

1. Giữa hai kỳ họp của HĐND phường ngoài thực hiện các nhiệm vụ được pháp luật quy định, HĐND phường giao Thường trực HĐND phường xem xét, quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐND phường do UBND, các cơ quan tư pháp có liên quan, Ban của HĐND phường trình, như sau:

a. Những nội dung được Thành phố giao bổ sung.

b. Những nội dung được cấp có thẩm quyền giao cần phải giải quyết kịp thời để bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của phường.

c. Những nội dung, nhiệm vụ cần phải giải quyết kịp thời để thực hiện hiệu quả Nghị quyết của HĐND phường và thành phố giao.

2. Báo cáo HĐND phường về các nội dung ở Khoản 1 Điều này tại kỳ họp gần nhất của HĐND phường.

Điều 26. Tiếp công dân của Thường trực HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường tổ chức tiếp công dân để tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; chuyển, theo dõi và đôn đốc các cơ quan nhà nước trong việc xem xét giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân.

2. Thường trực HĐND phường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để tổ chức cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và đại biểu HĐND phường tiếp công dân theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

3. Thường trực HĐND phường xây dựng Quy chế phối hợp hoạt động với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam đảm bảo hoạt động tiếp công dân thường xuyên, liên tục.

Chương IV

CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 27. Nguyên tắc hoạt động của các Ban HĐND phường

Các Ban HĐND phường là cơ quan của HĐND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, các quy định khác của pháp luật có liên quan và thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, tuân theo pháp luật trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND, Thường trực HĐND phường.

2. Trưởng Ban chỉ đạo hoạt động của Ban HĐND, triệu tập và chủ trì các phiên họp Ban; tổ chức, điều hành thực hiện các chương trình công tác và hoạt động giám sát của Ban; trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp HĐND.

3. Các Phó Trưởng Ban HĐND giúp Trưởng Ban HĐND thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban. Khi Trưởng Ban vắng mặt thì Phó Trưởng Ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban theo lĩnh vực được phân công.

4. Các thành viên của Ban HĐND chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban HĐND trước HĐND, Thường trực HĐND phường; chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban HĐND về nhiệm vụ, quyền hạn được Trưởng HĐND phường phân công.

Điều 28. Cơ cấu tổ chức

1. HĐND phường thành lập 02 Ban: Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội. Số lượng trưởng, phó của mỗi Ban, cơ cấu tổ chức của mỗi Ban thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ- HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của HĐND phường và Nghị quyết số 02 & 03/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Thường trực HĐND phường.

2. Các Ban có Trưởng ban hoạt động kiêm nhiệm, 01 Phó trưởng ban hoạt động chuyên trách và các Ủy viên.

Điều 29. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban HĐND phường

1. Ban Kinh tế - Ngân sách:

1.1. Tham mưu giúp HĐND phường quyết định các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã; đất đai, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông ở địa phương;

1.2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình HĐND; giám sát, kiến nghị những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách và các vấn đề xã hội khác tại địa phương có liên quan.

1.3. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực HĐND và HĐND phường.

2. Ban Văn hóa - Xã hội

2.1. Tham mưu, giúp HĐND phường quyết định các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền; khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao; quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo ở địa phương.

2.2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình HĐND; giám sát, kiến nghị những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách và các vấn đề xã hội khác tại địa phương có liên quan.

2.3. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực HĐND và HĐND phường.

Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban

1. Chịu trách nhiệm tập thể về thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Thường trực HĐND, chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐND, Thường trực HĐND về nhiệm vụ quyền hạn được HĐND phân công.

2. Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;

3. Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban;

4. Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND, các Ban khác của HĐND, các cơ quan, tổ chức ở địa phương và các tổ dân phố trên địa bàn phường;

5. Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động của Ban với HĐND, Thường trực HĐND phường hằng tháng, hằng quý, 06 tháng, 01 năm; trình bày báo cáo thẩm tra tại kỳ họp HĐND

6. Tham dự các cuộc họp do Thường trực HĐND triệu tập; Thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc quyền hạn của Thường trực HĐND, các nhiệm vụ do HĐND phường ủy quyền; thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do Ủy ban nhân dân, các cơ quan, tổ chức ở địa phương mời;

7. Trong phạm vi lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp HĐND, tổ chức thẩm tra tài liệu trình kỳ họp do HĐND hoặc Thường trực HĐND phân công. Tổ chức giám sát, khảo sát của Ban báo cáo kết quả giám sát với HĐND, Thường trực HĐND.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban

1. Trong phạm vi lĩnh vực chịu trách nhiệm của ban, thực hiện nhiệm vụ chuyên trách của Ban.

2. Giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công hoặc theo sự ủy quyền của Trưởng ban; khi Trưởng ban vắng mặt, được Trưởng ban ủy quyền điều hành công việc của Ban;

3. Được quyền ký các văn bản của Ban và tổ chức các hoạt động của Ban khi Trưởng ban phân công.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn các thành viên của Ban

1. Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, Phó Trưởng ban về nhiệm vụ được phân công.

2. Theo dõi, cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực hoạt động của Ban.

3. Giữ mối liên hệ công tác mật thiết với Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên khác của Ban.

4. Có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động công tác của Ban và thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng ban.

5. Khi vắng mặt tại buổi làm việc của Ban thì trực tiếp báo cáo Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban chủ trì buổi làm việc.

6. Trước các kỳ họp HĐND phường, các thành viên Ban đề xuất với Ban nội dung cần chất vấn để Trưởng ban tổng hợp báo cáo với Thường trực HĐND phường hoặc chủ động chất vấn theo quy định của pháp luật.

7. Thời gian hoạt động của các thành viên theo yêu cầu nhiệm vụ công tác cụ thể của từng Ban.

Điều 33. Chế độ làm việc

1. Căn cứ vào chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐND và Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hằng năm.

2. Ban của HĐND phường họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban.

3. Sáu tháng và hằng năm, các Ban báo cáo kết quả công tác trước Thường trực HĐND và HĐND phường

Điều 34. Hoạt động thẩm tra

Các Ban HĐND phường thực hiện hoạt động thẩm tra theo quy định của pháp luật và Điều 9 Quy chế này.

Điều 35. Hoạt động giám sát

1. Các Ban HĐND phường có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Các Ban HĐND phường thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 76, Điều 79, Điều 80 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Ngoài ra, các Ban HĐND phường có trách nhiệm tham gia khảo sát, giám sát hoặc tổ chức đoàn khảo sát, giám sát về các lĩnh vực của Ban khi các Ban HĐND thành phố yêu cầu.

Chương V

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 36. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tổ đại biểu HĐND phường gồm các đại biểu HĐND phường được bầu ở một đơn vị bầu cử. Số lượng, danh sách thành viên, Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu HĐND phường do Thường trực HĐND phường quyết định.

2. Tổ đại biểu hoạt động theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thường trực HĐND phường; báo cáo kết quả công tác với Thường trực HĐND phường hằng tháng, hằng quý, 06 tháng, 01 năm.

Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu HĐND phường

1. Phối hợp với UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tổ chức cho đại biểu HĐND phường tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND phường và đề đại biểu HĐND phường báo cáo với cử tri về tình hình, kết quả sau kỳ họp HĐND phường.

2. Phân công đại biểu trong Tổ đại biểu tiếp dân theo quy định.
3. Tham dự các cuộc khảo sát, giám sát, làm việc của Thường trực HĐND, các Ban HĐND phường trên địa bàn bầu cử các thành viên của Tổ.
4. Tổng hợp câu hỏi chất vấn của đại biểu HĐND thuộc Tổ tại các kỳ họp HĐND phường.
5. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND phường hoặc về các vấn đề, nội dung do Thường trực HĐND phường phân công.
6. Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp HĐND phường.

Điều 38. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND phường

1. Phụ trách chung, chỉ đạo mọi hoạt động của Tổ đại biểu. Chịu trách nhiệm trước Thường trực HĐND phường về điều hành hoạt động của Tổ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.
2. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động năm, 06 tháng, quý, chương trình tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát; báo cáo kết quả hoạt động của Tổ đại biểu; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu báo cáo Thường trực HĐND phường theo quy định; đôn đốc các thành viên trong Tổ triển khai nhiệm vụ đã được phân công.
3. Chủ trì các cuộc họp của Tổ đại biểu và ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Tổ.
4. Giữ mối quan hệ công tác với Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam, các Ban HĐND phường và các cơ quan, đơn vị, các tổ chức tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp và công dân trên địa bàn về thực hiện nhiệm vụ được phân công.
5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác được HĐND, Thường trực HĐND phường giao.

Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ phó kiêm Thư ký Tổ đại biểu HĐND phường

1. Thực hiện nhiệm vụ do Tổ trưởng phân công, chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.
2. Giúp Tổ trưởng soạn thảo kế hoạch hoạt động năm, 06 tháng, quý, chương trình tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát; chuẩn bị báo cáo kết quả hoạt động của Tổ, báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu HĐND.
3. Thay mặt Tổ trưởng khi vắng.

Điều 40. Tổ chức tiếp xúc cử tri chuẩn bị kỳ họp.

1. Căn cứ kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND phường, Tổ trưởng có trách nhiệm phối hợp với Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam phường xây dựng chương trình tiếp xúc cử tri; phân công cụ thể thành viên trong Tổ chuẩn bị nội dung báo cáo với cử tri và dự tại các điểm tiếp xúc cử tri. Chương trình, lịch tiếp xúc cử tri gửi đến Thường trực HĐND phường, thành viên trong Tổ, các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện.

2. Sau hội nghị tiếp xúc cử tri (trong ngày) Tổ đại biểu tiến hành họp để xem xét biên bản, thảo luận, phân loại ý kiến; tổng hợp những ý kiến thuộc thẩm quyền cấp trên thành văn bản gửi về Thường trực HĐND phường, Ủy ban MTTQ Việt Nam phường bảo đảm thời gian quy định tại kế hoạch tiếp xúc cử tri. Các ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của phường yêu cầu UBND phường xem xét, giải quyết và trả lời cử tri.

3. Tổ trưởng phân công cụ thể thành viên Tổ đại biểu đơn đốc các cơ quan, đơn vị chức năng liên quan giải quyết và trả lời những ý kiến, kiến nghị của cử tri và chất vấn của đại biểu HĐND phường liên quan đến địa phương.

Điều 41. Tổ chức tiếp xúc cử tri sau kỳ họp

Căn cứ kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND phường, sau kỳ họp HĐND phường, Tổ trưởng có trách nhiệm phối hợp với Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam phường tổ chức tiếp xúc cử tri và phân công cụ thể thành viên trong Tổ chuẩn bị và báo cáo kết quả kỳ họp, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri, phổ biến và giải thích các nghị quyết của HĐND phường và vận động nhân dân thực hiện nghị quyết; sau tiếp xúc cử tri gửi báo cáo về Thường trực HĐND, Ủy ban MTTQ Việt Nam phường.

Điều 42. Trách nhiệm tiếp công dân

Căn cứ Kế hoạch tiếp công dân của Thường trực HĐND phường, Tổ trưởng có trách nhiệm phối hợp với UBND phường tổ chức tiếp công dân, phân công cụ thể thành viên trong tổ tiếp công dân tại phạm vi hoạt động của Tổ.

Điều 43. Thực hiện quyền giám sát

1. Căn cứ chương trình giám sát năm của HĐND phường, hàng quý Tổ đại biểu tổ chức đề đại biểu HĐND phường trong tổ giám sát tại địa phương nơi các thành viên của Tổ đại biểu được cử tri bầu; giám sát việc thực hiện Nghị quyết HĐND phường và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn với những nội dung giám sát là những vấn đề cần thiết để triển khai thực hiện Nghị quyết HĐND phường thuộc thẩm quyền, trách nhiệm địa phương, đơn vị, những vấn đề còn nhiều bức xúc, nổi cộm được đông đảo cử tri quan tâm, cần được chính quyền xem xét, giải quyết.

2. Tổ trưởng chủ trì hoạt động giám sát. Trước khi thực hiện giám sát, Tổ trưởng các Tổ báo cáo nội dung, thời gian, thành phần, địa điểm để Thường trực HĐND quyết định thành lập Tổ giám sát. Sau giám sát Tổ trưởng các tổ báo cáo kết quả giám sát và ban hành kết luận giám sát. Thông báo kết quả giám sát được gửi đến Thường trực HĐND phường và các cơ quan chức năng liên quan.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐẠI BIỂU HĐND PHƯỜNG

Điều 44. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND phường

1. Khi nhận các tài liệu của kỳ họp do Thường trực HĐND, UBND phường và cơ quan liên quan gửi đến, đại biểu HĐND phải nghiên cứu và báo cáo với cử tri, chuẩn bị ý kiến đóng góp vào nội dung kỳ họp; đại biểu có trách nhiệm thực hiện quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu trong kỳ họp; không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín của HĐND; các văn bản dự thảo do Thư ký kỳ họp chuyển đến để lấy ý kiến, đại biểu có trách nhiệm tham gia ý kiến và chuyển lại Thư ký kỳ họp theo thời gian quy định của Thường trực HĐND phường.

2. Tiếp công dân theo quy định của pháp luật, theo Kế hoạch, Chương trình, lịch của Thường trực HĐND phường. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đại biểu HĐND có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết; đôn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết. Người có thẩm quyền giải quyết phải thông báo cho đại biểu HĐND về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân trong gian hạn quy định. Trong trường hợp kết quả giải quyết không đúng pháp luật, đại biểu HĐND có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại; khi cần thiết, đại biểu HĐND yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó giải quyết.

3. Chấp hành theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Thường trực HĐND phường; tham dự các hoạt động và thực hiện sự phân công của các Ban HĐND, khi làm thành viên của các Ban; tham dự các buổi làm việc, kiểm tra, giám sát của Thường trực HĐND phường khi được mời.

Điều 45. Quyền hạn của đại biểu HĐND phường

1. Đại biểu HĐND bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND.

2. Đại biểu HĐND có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp HĐND, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn

của HĐND; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu HĐND không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực HĐND phải báo cáo HĐND để bãi nhiệm đại biểu HĐND đó.

3. Đại biểu HĐND phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với HĐND, các cơ quan, tổ chức hữu quan; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

4. Đại biểu HĐND thực hiện tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

5. Đại biểu HĐND có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; quyền kiến nghị HĐND bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp kín hoặc phiên họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

6. Đại biểu HĐND có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.

7. Đại biểu HĐND có quyền chất vấn Chủ tịch UBND, các thành viên khác của UBND, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân phường.

8. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu HĐND có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu HĐND có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

10. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu HĐND, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu HĐND nếu không có sự đồng ý của HĐND hoặc của Thường trực HĐND trong thời gian HĐND không họp. Trường hợp đại biểu HĐND bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để HĐND hoặc Thường trực HĐND xem xét, quyết định.

Điều 46. Chế độ làm việc của đại biểu HĐND phường

1. Đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách được bố trí nơi làm việc, được trả lương, phụ cấp và hưởng các chế độ để hỗ trợ cho hoạt động của đại biểu HĐND.

2. Đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND. Thời gian làm việc trong năm mà đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách dành cho việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu được tính vào thời gian làm việc của đại biểu ở cơ quan, tổ chức, đơn vị mà đại biểu làm việc và được bảo đảm trả lương, phụ cấp, các chế độ khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị đó đài thọ. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu làm việc có trách nhiệm sắp xếp công việc, tạo điều kiện cần thiết cho đại biểu HĐND làm nhiệm vụ.

3. UBND phường, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đại biểu HĐND.

4. Ủy ban MTTQVN và các tổ chức thành viên của Mặt trận tạo điều kiện để đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân với HĐND.

5. Đại biểu HĐND được cấp hoạt động phí hàng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 47. Quan hệ công tác với Thành ủy, HĐND, UBND, các ban, ngành thành phố và Tổ đại biểu HĐND thành phố

1. Quan hệ công tác với Thành ủy, HĐND, UBND, các ban, ngành thành phố

HĐND phường chịu sự lãnh đạo tuyệt đối về đường lối, chủ trương, chính sách của Thành ủy; sự kiểm tra giám sát và hướng dẫn công tác của HĐND và UBND thành phố; sự phối hợp giám sát về các lĩnh vực chuyên môn của các ban, ngành, thành phố.

2. Quan hệ công tác với Tổ đại biểu HĐND thành phố

Các Đại biểu HĐND thành phố được bầu, phân công phụ trách trên địa bàn phường được mời tham dự các kỳ họp của HĐND phường và có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của HĐND phường.

Thường trực HĐND phường phối hợp với Tổ đại biểu HĐND thành phố tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong phường chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền ở thành phố giải quyết; thông tin tới cử tri về nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

Thường trực HĐND phường cử đại biểu HĐND phường tham gia hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND thành phố khi được mời.

Điều 48. Quan hệ công tác với Đảng ủy

1. HĐND phường chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng ủy đối với hoạt động của HĐND phường, Thường trực HĐND về những định hướng chủ trương quan trọng trong chương trình hoạt động, chương trình các kỳ họp và những quyết định của HĐND phường về kinh tế, xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh, những vấn đề quan trọng khác của phường, những vấn đề về tổ chức và cán bộ, về nhân sự thuộc diện quản lý của cấp ủy trước khi trình HĐND phường quyết định.

2. Định kỳ một quý 1 lần Thường trực HĐND phường báo cáo Thường trực Đảng ủy tình hình kết quả thực hiện hoạt động của HĐND phường, Thường trực HĐND phường.

Điều 49. Quan hệ công tác với UBND phường

1. UBND phường báo cáo HĐND, Thường trực HĐND phường về các nội dung thuộc trách nhiệm của UBND phường; gửi văn bản quy phạm pháp luật và các quyết định do UBND phường ban hành đến Thường trực HĐND, Ban của HĐND phường theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký; cung cấp thông tin cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND theo quy định của pháp luật.

2. UBND phường có trách nhiệm phối hợp với Thường trực HĐND phường trong việc chuẩn bị kỳ họp HĐND phường; chỉ đạo các cơ quan thuộc UBND phường chuẩn bị các nội dung được dự kiến trong chương trình kỳ họp, thực hiện các thủ tục và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình Thường trực HĐND phường xem xét quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND phường hoặc những vấn đề HĐND đã ủy quyền cho Thường trực HĐND giữa hai kỳ họp.

3. Đại diện Thường trực HĐND, các Ban HĐND được mời dự các phiên họp thường kỳ của UBND phường và các phiên họp có nội dung liên quan.

Điều 50. Quan hệ công tác với Ủy ban MTTQ Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội của phường

1. Thường trực HĐND phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam phường, các tổ chức thành viên của MTTQ phường xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp công tác nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban MTTQ Việt Nam phường thông qua hệ thống Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu

HĐND phường về việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của Nhân dân, quyền và lợi ích hợp pháp của MTTQ Việt Nam.

3. Phối hợp với Thường trực HĐND phường trong việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về các dự thảo văn bản pháp luật và những vấn đề quan trọng theo quy định.

Điều 51. Mỗi quan hệ công tác với các cơ quan tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giám sát của HĐND cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND phường theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu cho Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND phường khi được yêu cầu, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước mà pháp luật quy định không được phép cung cấp.

2. HĐND các phường có trách nhiệm gửi nghị quyết mà mình đã ban hành đến Thường trực HĐND phường và Ban của HĐND phường theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày ký.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri có trách nhiệm trả lời đầy đủ tại kỳ họp thường lệ gần nhất của HĐND phường kể từ khi nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của HĐND phường.

Chương VIII

ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND PHƯỜNG

Điều 52. Bộ máy giúp việc HĐND phường

Văn phòng phường là cơ quan tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND phường; giúp việc Thường trực HĐND phường; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của HĐND; đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND phường.

Điều 53. Kinh phí hoạt động của HĐND phường

Kinh phí hoạt động của HĐND phường được bố trí từ ngân sách phường, Thường trực HĐND phường chỉ đạo việc quản lý sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Chế độ chính sách và khen thưởng

1. Đại biểu HĐND phường được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định và theo nghị quyết của HĐND thành phố.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND phường, Văn phòng phường được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 55. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khi Ủy Ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ ban hành những nội dung quy định khác với Quy chế này thì HĐND phường sẽ căn cứ các văn bản của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do HĐND phường quyết định trên cơ sở đề nghị của Thường trực HĐND phường hoặc có ít nhất một phần ba đại biểu HĐND phường đề nghị.

Điều 56. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Văn phòng phường, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND phường, UBND phường, Ủy ban MTTQ Việt Nam phường các phòng chuyên môn thuộc UBND phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế.

2. Thường trực HĐND phường căn cứ Quy chế hoạt động của HĐND phường phân công nhiệm vụ cụ thể trong Thường trực HĐND phường phù hợp điều kiện và tình hình thực tế.

3. Các Ban, Tổ đại biểu HĐND phường căn cứ Quy chế phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Ban và đại biểu Tổ.

4. Trong quá trình thực hiện, Văn phòng phường tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND phường về tình hình thực hiện Quy chế; đề xuất với Thường trực HĐND phường các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để trình HĐND phường xem xét, quyết định.

Giao Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường phối hợp Văn phòng phường theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này, định kỳ 06 tháng, hàng năm tổng hợp báo cáo Thường trực HĐND phường./.

